

Năm h ọ c 2012-2013 tr ờ ng THPT Chuyên Khoa h ọ c T ự nhiên có 498 h ọ c sinh t ừ t nghi ệ p, và có 453 h ọ c sinh đ ề thi 4 kh ố i A, A1, B và D trong k ề thi tuy ệ n sinh Đ ộ i h ọ c 2013. Theo b ờ ng x ếp h àng c ầ a B ộ Giáo d ộ c và Đ ào t ạo v ề k ề t qu ề thi Đ ộ i h ọ c năm 2013, tr ờ ng THPT Chuyên KHTN v ớ i 785 l ầ t thi và đ ầ t đ ầ m bình quân 22,20 x ếp v ớ trí th ứ 7 trong danh sách 200 tr ờ ng THPT có k ề t qu ề cao nh ậ t trong c ầ n ầ c. Tr ờ ng ta có 5 h ọ c sinh đ ề th ề khoa các tr ờ ng Đ ộ i h ọ c, đó là :

- Phan Ng ộ c Minh l ầ p 12A2 Hóa th ề khoa kh ố i A H ọ c vi ề n Ngân Hàng (29 đ ầ m),
- Tr ờ n Minh Tâm l ầ p 12A2 Toán th ề khoa kh ố i A tr ờ ng Đ ộ i h ọ c Khoa h ọ c T ự nhiên (28 đ ầ m),
- Lê Ph ồ ng Anh l ầ p 12A1 Toán th ề khoa k ếp kh ố i A1 (25,5 đ ầ m) và kh ố i D1 (27 đ ầ m) H ọ c vi ề n Ngo ộ i giao,
- Nguy ệ n Th ồ K ồ u Anh l ầ p 12A1 Toán đ ờ ng th ề khoa kh ố i D1 H ọ c vi ề n Ngo ộ i giao (27 đ ầ m)
- Nguy ệ n Th ồ Ng ộ c Anh l ầ p 12A1 Toán đ ờ ng th ề khoa kh ố i D1 tr ờ ng Đ ộ i h ọ c Lu ậ t Hà N ộ i (26,5 đ ầ m).

Ngoài ra Nguy ệ n Ti ề n Th ồ ng và Nguy ệ n Minh D ữ ng l ầ p 12A2 Toán là đ ờ ng Á khoa kh ố i A tr ờ ng Đ ộ i h ọ c Kinh t ề Qu ố c dân (29 đ ầ m).

Toàn tr ờ ng có 17 h ọ c sinh đ ầ t đ ầ m thi t ừ 28 đ ầ n 29. Đ ầ c bi ệ t trong đó ph ầ i k ồ đ ầ n Phan Ng ộ c Minh l ầ p 12A2 Hóa có đ ầ m thi kh ố i A là 29, kh ố i B là 28,5 và Đ ồ Văn Tâm l ầ p 12A2 Toán có đ ầ m thi c ầ kh ố i A, kh ố i B đ ầ u là 28,5.

N ầ u tính t ừ 27 đ ầ m tr ề lên, c ầ tr ờ ng có 51 h ọ c sinh; trong đó kh ố i A là 35 h ọ c sinh, kh ố i B là 19 h ọ c sinh và kh ố i D1 là 2 h ọ c sinh (có 5 h ọ c sinh đ ầ t đ ầ m c ầ 2 kh ố i A và B đ ầ u t ừ 27 đ ầ m tr ề lên).

Sau đây là top 20 tr ờ ng THPT có đ ầ m thi Đ ộ i h ọ c cao nh ậ t c ầ n ầ c.

STT

T nh / thành ph

Mã ỗ ẫ n v

Tên trỖ ng ph thông

LỖ t d thi

ỖTB (Ex)

1

TP H Chí Minh

2018

THPT NK ĐH KHTN

519

23,31

2

T nh Bình Ph c

43004

THPT Chuyên Quang Trung

198

23,19

3

T nh Hà Tĩnh

30040

THPT Chuyên Hà Tĩnh

319

22,55

4

TP Hà Nĩi

1A037

THPT Chuyên ĐH SP HN

552

22,41

5

Tĩnh Nam Đĩnh

25002

THPT Lê Hĩng Phong

769

22,31

6

Tĩnh Vĩnh Phúc

16012

THPT Chuyên Vĩnh Phúc

430

22,22

7

TP Hà N ĩ

1A045

THPT Chuyên KHTN ÖH QG HN

785

22,20

8

TP Đà Nĩng

4005

THPT Chuyên Lê Quý Đĩn

331

22,06

9

TP Hà Nĩi

1A144

Chuyên ngĩ ĐH NN Q. gia

581

22,00

10

Tĩnh Bình Đĩnh

37003

THPT chuyên Lê Quý Đĩn

401

21,90

11

TP Hà Nĩi

1A003

THPT Hà Nĩi-Amstecdam

672

21,89

12

Tĩnh Hĩi Dĩĩng

21013

THPT Nguyĩn Trĩi

453

21,70

13

T nh Thái Bình

26002

THPT Chuyên

819

21,60

14

T nh Đ ng Nai

48001

THPT Chuyên L ng Th Vinh

395

21,54

15

TP Hđ Chí Minh

2015

THPT Lê Hđ ng Phong

992

21,50

16

Tđ nh Thanh Hóa

28118

THPT Chuyên Lam Sđ n

453

21,41

17

T ĩ nh Khánh Hòa

41017

THPT chuyên Lê Quí Đôn

307

21,37

18

T ĩ nh Ngh ĩ An

29006

THPT Chuyên Phan B ĩ Châu

536

21,27

19

T nh Th a Thiên-Hu

33001

THPT Chuyên Qu c H c

729

21,24

20

TP Hà N i

1B162

THPT Chuyên Nguyễn Huệ

820

21,22

TS. Lê Công L i (Phó Hi u tr 5 ng)